TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 27 – 6 – 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Điệp.

2. Ông Lương Hồng Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buốl – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh S, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Vào năm 2009, bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Thanh S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký vào ngày 19/5/2016. Bà và ông S chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, sau đó đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống không hạnh phúc và ông, bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà L và ông S có 01 (một) người con chung tên Phạm Thành Đ, sinh ngày 30/12/2016, hiện cháu Đ đang sống chung với ông S. Quá trình chung sống bà và ông S có tạo lập được tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô hiệu

Vario, số khung LK990408, số máy E1993404 giá trị 59.000.000đồng (Năm mươi chín triệu đồng) hiện nay ông S đang quản lý, sử dung; nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20 tháng 6 năm 2022, bà Trần Thị Mỹ L rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Phạm Thanh S; về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 30/12/2016 cho ông Phạm Thanh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con chun; về tài sản chung đã tự thỏa thuận nên bà rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Phạm Thanh S:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông S, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ L.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao con chung là cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 30/12/2016 cho ông Phạm Thanh S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Trần Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông S chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định bà và ông Phạm Thanh S đã tự thỏa thuận về, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định trong thời gian chung sống bà và ông Phạm Thanh S không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Thanh S từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông S nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L và ông S.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20 tháng 6 năm 2022, bà Trần Thị Mỹ L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là chiếc xe mô tô hiệu Vario, số khung LK990408, số máy E1993404, giá trị khoảng 59.000.000đồng. Xét việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L xác định bà và ông S chung sống với nhau trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký vào ngày 19/5/2016. Hôn nhân của bà L và ông S tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Thanh S là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/6/2022, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông S với lý do trong quá trình chung sống, đến đầu năm 2022 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cải nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi bà L chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Phạm Thanh S, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông S biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông S.

[4]. Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định trong thời gian chung sống bà và ông S có 01 (một) người con chung là Phạm Thành Đ, sinh ngày 30/12/2016, hiện nay cháu Đ đang sống chung với ông S. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng ngày mặt 20/6/2022 bà L xác định từ khi bà và ông S sống ly thân thì ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, hiện nay cháu Đ vẫn đang chung sống với ông S nên bà giao cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến khi thành niên, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà L và ông S đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, bà L xác định trong khoảng thời gian này cháu Đ chung sống với ông S, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu Đ đã ổn định về mọi mặt; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình

thường về mọi mặt của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 30/12/2016 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Trần Thị Mỹ L mà không ai được ngăn cản.

[5]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Thanh S chưa có yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định bà và ông Phạm Thanh S đã tự thỏa thuận về tài sản chung, bà L và ông S đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L đã rút việc việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô hiệu Vario, số khung LK990408, số máy E1993404.

[7]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Mỹ L xác định bà và ông Phạm Thanh S không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Phạm Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L được ly hôn với ông Phạm Thanh S.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 30/12/2016 cho ông Phạm Thanh S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Trần Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Trần Thị Mỹ L mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Thanh S chưa có yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung:

+ Bà Trần Thị Mỹ L xác định bà và ông Phạm Thanh S đã tự thỏa thuận về tài sản chung, bà L và ông S đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L đã rút việc việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô hiệu Vario, số khung LK990408, số máy E1993404.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định bà và ông Phạm Thanh S không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.412.000đồng (Một triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai số 0003351 ngày 24/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; hoàn trả cho bà L số tiền còn thừa là 1.112.000đồng (Một triệu một trăm mười hai nghìn đồng). Ông Phạm Thanh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Song Phụng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo